**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ 2 MÔN TOÁN – LỚP 8**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/**  **Chủ đề** | **Nội dung/Đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | | | | **Tổng%**  **điểm** |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |  |
| **TL** | **TL** | **TL** | **TL** |  |
| **1** | **Hàm số và đồ thị** | Hàm số bậc nhất  y = ax + b (a ≠ 0) và đồ thị. |  |  | Bài 2ab  (1,5đ) |  | 3 |
| Toán thực tế hàm số bậc nhất |  |  | Bài 3a (1đ) | Bài 3b  (0,5đ) |
| **2** | **Phương trình** | Phương trình bậc nhất một ẩn |  | Bài 1a  (1đ) | Bài 1b  (1đ) |  | 3,5 |
| Giải bài toán bằng cách lập phương trình |  |  | Bài 5  (1,5đ) |  |
| **3** | **Hình đồng dạng** | Hình đồng dạng | Bài 4  (1đ) |  |  |  | 1 |
| Tam giác đồng dạng |  | Bài 6a  (1đ) | Bài 6b  (1đ) | Bài 6c  (0,5đ) | 2,5 |
| **Tổng điểm** | | | **1** | **2** | **6** | **1** | 10 |
| **Tỉ lệ %** | | | **10%** | **20%** | **60%** | **10%** | **100%** |
| **Tỉ lệ chung** | | | **30%** | | **70%** | | **100%** |

**BẢN ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ 2 MÔN TOÁN – LỚP 8**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/**  **Chủ đề** | **Nội dung/Đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | |
| **Nhận biêt** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **1** | **Hàm số và đồ thị** | Hàm số bậc nhất  y = ax + b (a ≠ 0) và đồ thị. | **Vận dụng:**  – Vẽ được đồ thị của hàm số bậc nhất *y* = *ax* + *b* (*a* ≠ 0).  – Vận dụng được phương trình tìm tọa độ giao điểm hai đồ thị bằng phép tính. |  |  | Bài 2ab  (2) |  |
| Toán thực tế hàm số bậc nhất | **Vận dụng:**  – Vận dụng được hàm số bậc nhất và đồ thị vào giải quyết một số bài toán thực tiễn ***(đơn giản, quen thuộc)*** (ví dụ: bài toán về chuyển động đều trong Vật lí,...).  **Vận dụng cao:**  – Vận dụng được hàm số bậc nhất và đồ thị vào giải quyết một số bài toán ***(phức hợp, không quen thuộc)*** thuộc có nội dung thực tiễn. |  |  | Bài 3a  (1) | Bài 3b  (1) |
| **2** | **Phương trình** | Phương trình bậc nhất một ẩn | **Thông hiểu:**  – Giải được phương trình bậc nhất một ẩn (chuyển vế)  **Vận dụng:**  – Giải được phương trình bậc nhất một ẩn (có mẫu số) |  | Bài 1a  (1) | Bài 1b  (1) |  |
| Giải bài toán bằng cách lập phương trình | **Vận dụng:**  – Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn ***(đơn giản, quen thuộc)*** gắn với phương trình bậc nhất (ví dụ: các bài toán liên quan đến chuyển động trong Vật lí, các bài toán liên quan đến Hoá học,...). |  |  | Bài 5  (1) |  |
| **3** | **Hình đồng dạng** | Hình đồng dạng | **Nhận biết:**  – Nhận biết được hình đồng dạng phối cảnh (hình vị tự), hình đồng dạng qua các hình ảnh cụ thể. | Bài 4  (1) |  |  |  |
| Tam giác đồng dạng | **Thông hiểu:**  – Giải thích được các trường hợp đồng dạng của hai tam giác, của hai tam giác vuông.  **Vận dụng:**  – Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn ***(đơn giản, quen thuộc)*** gắn với việc vận dụng kiến thức về hai tam giác đồng dạng (ví dụ: tính độ dài, lập hệ thức giữa các cạnh từ tỉ số đồng dạng của hai tam giác, ...)  **Vận dụng cao:**  – Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn ***(phức hợp, không quen thuộc)*** gắn với việc vận dụng kiến thức về hai tam giác đồng dạng. |  | Bài 6a  (1) | Bài 6b  (1) | Bài 6c  (1đ) |
| **Tổng số câu** | | | | 1 | 2 | 6 | 2 |
| **Tỉ lệ %** | | | | **10%** | **20%** | **60%** | **10%** |
| **Tỉ lệ chung** | | | | **30%** | | **70%** | |

|  |  |
| --- | --- |
| UBND HUYỆN CỦ CHI  **TRƯỜNG THCS NHUẬN ĐỨC** | **ĐỀ THAM KHẢO KIỂM TRA CUỐI KÌ 2**  **NĂM HỌC 2023 - 2024.**  **Môn: TOÁN – Lớp 8**  Thời gian làm bài: 90 phút |

**Bài 1 (2,0 điểm):** Giải các phương trình sau:



**Bài 2 (1,5 điểm):** Cho hai đường thẳng (d1): y = - 2x và (d2): y = x - 3

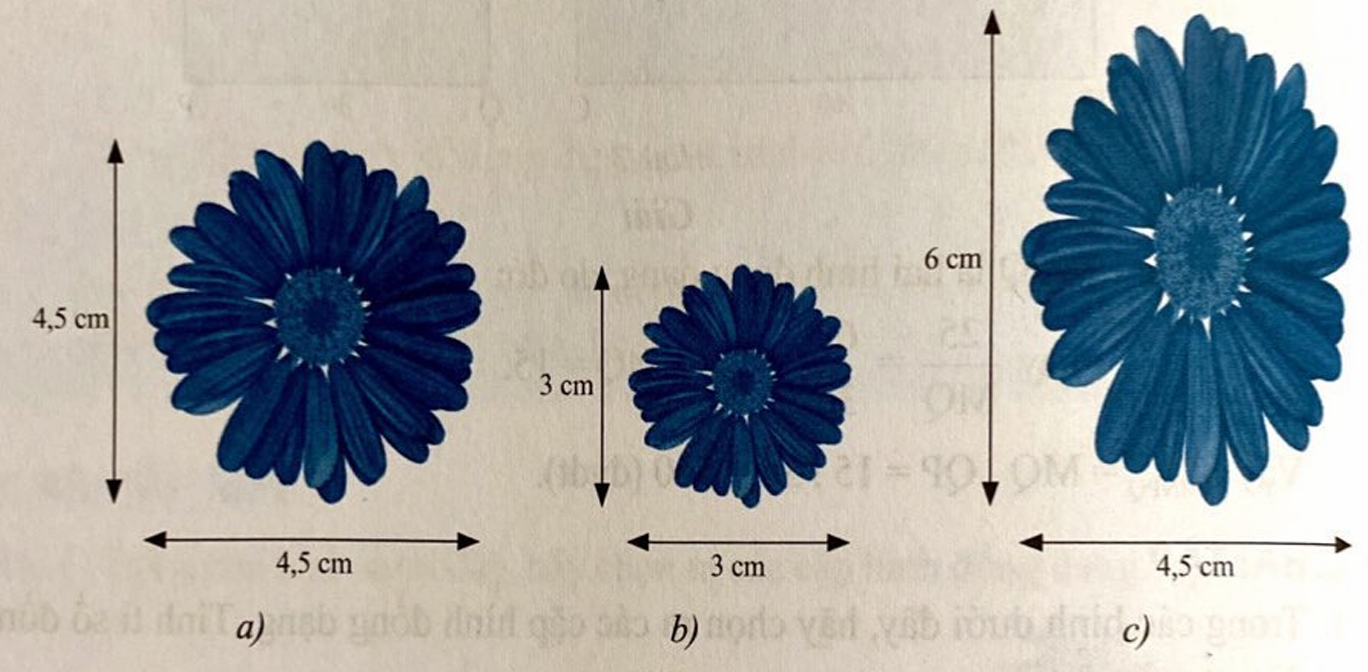
1. Vẽ đồ thị hàm số (d2): y = x - 3.
2. Tìm tọa độ giao điểm hai đường thẳng (d1) và (d2) bằng phép toán.

**Bài 3 (1,5 điểm):** Cô Tám thuê nhà với giá 3 000 000 đồng/ tháng và cô Tám phải trả tiền dịch vụ giới thiệu là 600 000 đồng (tiền dịch vụ chỉ trả 1 lần). Gọi x (tháng) là khoảng thời gian cô Tám thuê nhà, y (đồng) là số tiền cô Tám phải trả khi thuê nhà trong x tháng.

a) Lập công thức liên hệ giữa y và x.

b) Tính số năm cô Tám thuê nhà khi đã trả 78 00 000 đồng kể cả tiền dịch vụ giới thiệu.

**Bài 4 (1,0 điểm):** Trong các hình dưới đây, hai hình nào đồng dạng với nhau?



**Bài 5 (1,5 điểm):** Bạn Bình đi xe đạp từ nhà đến trường với vận tốc 15 km/h và đi từ trường về nhà với vận tốc là 12 km/h. Biết thời gian đi ít hơn thời gian về là 10 phút. Tính quãng đường bạn Bình đi từ nhà đến trường.

**Bài 6 (2,5 điểm):** Cho ΔABC có 3 góc nhọn. Đường cao BE, CF cắt nhau tại H.

1. Chứng minh ΔAEB  ΔAFC.
2. Chứng minh HB.HE = HC. HF
3. Chứng minh 

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_Hết\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

|  |  |
| --- | --- |
|  |  |

|  |  |
| --- | --- |
| ĐÁP ÁN | |
| UBND HUYỆN CỦ CHI  **TRƯỜNG THCS NHUẬN ĐỨC** | **ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ II**  **NĂM HỌC 2023 - 2024.**  **Môn: TOÁN – Lớp 8**  Thời gian làm bài: 90 phút |

**ĐỀ 1**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **Bài 1.(2đ)** | a/  Vậy phương trình có nghiệm x = 4  b/  Vậy phương trình có nghiệm | 0.5  0.25  0.25  0.25  0.25  0.25  0.25 |
| **Bài 2 (1,5 đ)** | (d2): y = x – 3  \* Cho x = 1 => y = -3  \* x = 1 => y = -2  Đồ thị của hàm số y = x – 3 là một đường thẳng đi qua hai điểm A(1;-3) và B(1;-2)    b) Phương trình hoành độ giao điểm của (d1) và (d2) là:  - 2x = x – 3  x = 1  Thay x = 1 vào hàm số y = -2x, ta có:  y = -2.1 = - 2  Vậy tọa độ giao điểm của (d1) và (d2) là: B(1;-2) | 0.25  0.25  0.5  0.25  0.25 |
| **Bài 3 (1,5đ)** | a) Công thức liên hệ giữa y và x là:  y = 3 000 000.x + 600 000  b) Vì số tiền đã trả là 78 000 000 đồng  nên y = 78 000 000, ta được:  78 000 000 = 3 000 000.x + 600 000  x = 24  Vậy thời gian cô Tám thuê nhà là 2 năm | 1  0.5 |
| **Bài 4 (1,0 đ)** | Hình a đồng dạng với hình b theo tỉ số k = | 1 |
| **Bài 5 (1,5 đ)** | Đổi: 10 phút = giờ  Gọi x(km) là quãng đường từ nhà đến trường (x > 0)  Thời gian đi từ nhà đến trường là (giờ)  Thời gian đi từ trường về nhà là (giờ)  Do thời gian đi ít hơn thời gian về là 10 phút hay giờ nên ta có phương trình:  Vậy Quãng đường từ nhà đến trường là 10 km | 0.25  0.25  0.5  0.5 |
| **Bài 6 (2,5 đ)** | a) Chứng minh ΔAEB  ΔAFC.  Xét ΔAEB vuông tại E và ΔAFC vuông tại F có:  là góc chung  ΔAEB  ΔAFC ( g- g)  b) Chứng minh HB.HE = HC. HF  Xét ΔBHF và ΔCHE có  ( 2 góc đối đỉnh)  (vì ΔAEB  ΔAFC)  Suy ra ΔBHF  ΔCHE ( g-g)    Nên HB.HE = HC HF  c) Chứng minh :  Vì ΔAEB  ΔAFC nên      Xét ABC và AEF có  ( cmt )  là góc chung  Nên ABC AEF ( c – g – c)  Vậy  ( 2 góc tương ứng) | 0.5  0.25  0.25  0.5  0.5  0.25  0.25 |

Website VnTeach.Com